

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10/TMBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 09 tháng 7 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng cho xét nghiệm năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ trang thông tin điện tử:

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: buithanhhiepbvhtkg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: buithanhhiepbvhtkg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến trước 17 giờ 00 ngày 24 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng cho xét nghiệm:

(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này)

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 12 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục II** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị. *nd*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGD, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Viên

PHỤ LỤC I

Mô tả về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

(Kèm theo Thư mời báo giá số: 10/TMBG-TTYT ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên)

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói tham khảo	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Số lượng
1	3	4		5	6	8
I- Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ 4 thông số (NA/K/Cl/Ca) tương thích máy xn SFRI-ISE 5000 (Đồng bộ trên một thiết bị)						
1	Chất thử điện giải đồ	Dung dịch chuẩn A, 800mL Dung dịch chuẩn B, 180mL Chất đệm Chất bảo quản Chất làm ướt	800ml/ bình	ISO, FDA	ml	4.800
2	Chất kiểm tra 2 nồng độ (cao-trung bình)	Sản phẩm là dung dịch chứa muối, chất đệm, albumin bò và chất bảo quản dùng để thiết lập hoạt động của các hệ thống phân tích điện giải	20ml/ hộp	ISO, FDA	ml	40
3	Điện cực chuẩn Ref	Điện cực chuẩn Referene sử dụng cho máy	1 cái/hộp	ISO, FDA	Cái	1
4	Điện cực K	Điện cực Kali sử dụng cho máy	1 cái/hộp	ISO, FDA	Cái	1
5	Điện cực Cl	Điện cực Clorua sử dụng cho máy	1 cái/hộp	ISO, FDA	Cái	1
6	Điện cực Ca	Điện cực Calcium sử dụng cho máy	1 cái/hộp	ISO, FDA	Cái	1
II- Hóa chất xét nghiệm đông máu tương thích máy nghiệm xét nghiệm đông máu tự động YUMIZEN G800 (DIAGON - Hãng sở hữu: HORIBA ABX SAS Pháp) (Đồng bộ trên một thiết bị)						
7	Chất thử PT	Là thuốc thử thromboplastin từ não thỏ với dung môi riêng dùng để xác định thời gian prothrombin (PT). - Thành phần: là thromboplastin mô não thỏ đông khô với các chất ổn định. Dung môi là dung dịch đệm chứa ion calci và natri azide (<0,01%) là chất bảo quản.	6x4 mL	ISO	ml	48
8	Chất thử APTT	Dung dịch thuốc thử phospholipid từ não thỏ sẵn sàng để sử dụng, dùng để xác định thời gian thromoplastin từng phần hoạt hóa (APTT). - Thành phần: phospholipid từ não thỏ chứa acid ellagic trong môi trường đệm với chất ổn định, dung dịch lỏng sẵn sàng sử dụng - Bảo quản và độ ổn định: trong lọ nguyên vẹn ổn định cho đến ngày hết hạn ghi trên lọ, khi được bảo quản ở 2-8°C. - Độ bền sau khi mở nắp 14 ngày ở 2-8 oC, 10 ngày ở 15-19oC, 7 ngày 20-25oC. - Tính năng kỹ thuật: + Độ lặp lại: CV = < 0.405% - mean =< 35.8s; CV=< 0.317% - mean =< 68.2s + Độ tái lập: CV = < 1.085% - mean = < 34.6s; CV =< 1.340% - mean =< 64.1s	R1: 5x4ml, R2: 5x4ml	ISO	ml	80

9	Chất thử Fibrinogen	Hóa chất đông máu FIBRINOGEN Thành phần: - R1: Bovine thrombin ≈ 100 NIH u/ml - R2: Imidazole Buffer, Sodium azide - R3: Caolin Solution	R1: 8x2ml,	ISO	ml	48
10	Bi+Cuvet chứa mẫu tương thích cho máy xét nghiệm đông máu	Sử dụng cho máy đo đông máu. Làm bằng nhựa	200 cái/hộp	ISO	hộp	3
III. Hóa chất xét nghiệm sử dụng đồng bộ cho máy huyết học 27 thông số tương thích với máy Yumizen H500 (Hãng HORIBA ABX SAS, Pháp). (Đồng bộ trên một thiết bị)						
11	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch enzym để sử dụng trong chẩn đoán in vitro với tác dụng thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Dung dịch nước trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1%	1L/chai	ISO,CE	Lit	3
12	Dung dịch làm sạch máy xét nghiệm huyết học tự động	Dung dịch hóa học để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để làm sạch máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 + Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% + Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1%	0.5L/chai	ISO,CE	chai	1
13	Dung dịch ly giải	Dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và để xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical. - Dung dịch nước trong suốt và màu vàng nhạt Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 5% + Chất điện hoạt (Surfactant) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% + Dung dịch đệm (Buffer) + Chất pha loãng (Diluent) vừa đủ 100%	1L/chai	ISO,CE	Lit	18
14	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	20L/thùng	ISO,CE	Lit	420

15	Nội kiểm 3 mức (thấp-trung bình-cao)	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp. Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC - Cộng đồng châu Âu) Số 1272/2008. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.	bộ/9ml	ISO,CE	bộ	27
V- Hóa chất xét nghiệm tương thích với máy sinh hoá tự động CA-800 (Hãng Furuno Electric Co Ltd Nhật Bản) (Đồng bộ trên một thiết bị)						
16	Albumin	Hóa chất xét nghiệm ALBUMIN Thành phần: + Bromocresol green pH 4.2:0.12mmol/l Dải đo: từ 0.0349g/dL đến 6g/dL	R1:6x180ml	ISO,CE	ml	180
17	Alcool	Quy cách: 10x10m/1x5ml - Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. - Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard.	R1: 10 x 10 ml, R2: 1 x 5 ml	ISO,CE	ml	300
18	Amylase	Hóa chất xét nghiệm Amylase-LQ Thành phần: + MES pH 6.0: 100mmol/L + CNPG3: 2.25mmol/L + Sodium clorhidre: 350mmol/L + Calcium acetate: 6mmol/L + Potassium thiocyanate: 900mmol/L + Sodium azide: 0.95gr/L Dải đo: từ 0.2439U/L đến 2200U/L	R1: 6x30 ml	ISO,CE	ml	180
19	Bilirubin TP	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Total Thành phần: + R1: Surfactants: <1%; Hydrochloric acid (HCl): 160mM + R2: 2,4-DPD ≥2 mM; Hydrochloric acid (HCl): 120M; Surfactant <1% Dải đo: từ 0.1mg/dL đến 30mg/dL	R1:4x40ml R2:2x20ml	ISO,CE	ml	200
20	Bilirubin TT	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Direct Thành phần: + R1: Bromocresol green pH 4.2:0.12mmol/l; + R2: 2,4-DPD: 0.5 mM; Hydrochloric acid (HCl): 0.3M Dải đo: từ 0.03mg/dL đến 9mg/dL	R1:4x40ml R2:2x20ml	ISO,CE	ml	200

21	CK-MB	<p>Chạy trên máy xét nghiệm sinh hóa, định lượng nồng độ CREATINE KINASE MB trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán sớm bệnh nhồi máu cơ tim</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1: Imidazole buffer, pH (< 6.1): < 125 mmol/l; Glucose: < 25 mmol/l; Magnesium acetate: < 12.5 mmol/l; EDTA: < 2 mmol/l; N-acetyl-L-cysteine: < 25 mmol/l; NADP: < 2.4 mmol/l</p> <p>Hexokinase: > 6.8 U/ml</p> <p>Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: < 2000 U/l CK-MM</p> <p>R2: Imidazole buffer, (pH < 8,9): < 125 mmol/l; ADP: < 15.2 mmol/l; D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml</p> <p>Creatine phosphate: < 250 mmol/l</p> <p>AMP: < 25 mmol/l</p> <p>Diadenosine pentaphosphate: < 103 μmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): < 7,1 -> = 1200 U/l</p>	<p>R1: 4x40ml</p> <p>R2: 2x20ml</p>	ISO,CE	ml	400
22	Calib HbA1c	<p>Hóa chất xét nghiệm HbA1c -d CALIBRATOR</p> <p>Thành phần: Máu người, chất bảo quản. Nồng độ của HbA1c được ghi trên nhãn lọ.</p> <p>Các thành phần có nguồn gốc từ con người đã được xét nghiệm là âm tính với HBsAg, HIV(1/2), HCV.</p>	R1: 4x0,5ml	ISO,CE	ml	4
23	HbA1c Direct Enzymatic	<p>Hóa chất xét nghiệm HbA1c</p> <p>Thành phần:</p> <p>+ R1: Latex 0,13%, Buffer, stabilizer.</p> <p>+ R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody 0,05mg/mL, goat anti-mouse IgG polyclonal antibody 0,08mg/dL, Buffer, stabilizers.</p> <p>+ R3: Water and stabilizers</p> <p>Dải đo: 2% đến 16%</p>	<p>R1: 1x30 ml</p> <p>R2: 1x10 ml</p> <p>R3: 1x125 ml</p>	ISO,CE	ml	495
24	Calcium	<p>Hóa chất xét nghiệm Calcium</p> <p>Thành phần:</p> <p>+ Midazol Buffer pH 6,5: 100mmol/L</p> <p>+ Arsenazo III: 120mmol/L</p> <p>Dải đo: từ 0,026mg/dL đến 32mg/dL</p>	R1: 3x40 ml	ISO,CE	ml	120
25	Cholesterol	<p>Hóa chất xét nghiệm Cholesterol-LQ</p> <p>Thành phần:</p> <p>+ PIPES pH 6.9: 90mmol/L</p> <p>+ Phenol: 26 mmol/L</p> <p>+ Cholesterol esterase (CHE): 1000U/L</p> <p>+ Cholesterol oxidase (CHOD): 300U/L</p> <p>+ Peroxidase (POD): 650U/L</p> <p>+ 4 - Aminophenazone (4-AP): 0.4 mmol/L</p> <p>Dải đo: từ 0mg/dL đến 1000mg/dL</p>	R1: 6x60 ml	ISO,CE	ml	1.260

26	Creatinin	Hóa chất xét nghiệm CREA Thành phần: + R1: Picric acid: 17,5 mmol/L + R2: Sodium hydroxide: 0,29 mol/L Dải đo: 0,000 mg/dL đến 35 mg/dL.	R1:3x60ml R2:3x60ml	ISO,CE	ml	1.800
27	CRP	Hóa chất xét nghiệm CRP Thành phần: + R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8,2. Preservative + R2: Latex particles coated with goat IgG anti-human CRP, pH 7,3. Preservative Dải đo: khoảng 150mg/L.	R1:2x40ml R2:1x20ml	ISO,CE	ml	300
28	Gamma GT	Hóa chất xét nghiệm ggt Thành phần: + R1: TRIS pH 8.6: 100 mmol/L, Glycylglycine: 100 mmol/L + R2: L-y-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3 mmol/L Dải đo: 2 U/L đến 300 U/L.	R1:4x40ml R2:2x20ml	ISO,CE	ml	200
29	Glucose	Hóa chất xét nghiệm Glucose Thành phần: + TRIS pH 7.4: 92 mmol/L, Phenol: 0,3 mmol/L, Glucose oxidase (GOD): 15000 U/L, Peroxidase (POD): 1000 U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 2.6 mmol/L Dải đo: 0,3709 mg/dL đến 500 mg/dL.	R1: 6x60 ml	ISO,CE	ml	3.240
30	HDL - Cholesterol Direct	Hóa chất xét nghiệm HDL Thành phần: + R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2- aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM, N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0,7 mM, Cholesterol Esterase: ≥ 800 U/L, Cholesterol oxidase: ≥ 500 U/L, Catalase: ≥ 300 U/L, Ascorbic oxidase: ≥ 3000 U/L + R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1,1 mmol/L, 4 – Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM, Peroxidase: ≥ 3500 U/L Dải đo: 9,7 mg/dL đến 151 mg/dL.	R1:4x30ml R2:2x20ml	ISO,CE	ml	960
31	Total Proteins	Hóa chất xét nghiệm TOTAL PROTEINS Thành phần: Sodium potassium tartrate: 15 mmol/L, Sodium iodide: 100 mmol/L, Potassium iodide: 5 mmol/L, Copper (II) sulphate: 19 mmol/L Dải đo: 0,007 g/dL đến 14 g/dL.	R1:4x60ml	ISO,CE	ml	240

32	AST (GOT)	<p>Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): = < 110 mmol/l L-Aspartic acid: = < 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH: ≥ 750 U/l</p> <p>R2: CAPSO: = < 20 mmol/l 2-oxoglutarat: = < 85 mmol /l NADH: = < 1.05 mmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = < 3.84mg > = 390 U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ml	1.400
33	ALT (GPT)	<p>Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): = <137.5 mmol/l L-Alanine: = <709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l R2: CAPSO: = <20 mmol/l 2-oxoglutarate: = <85 mmol /l NADH: = <1.05 mmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = < 4.4 > = 360 U/l</p>	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ml	1.400
34	Triglycerides	<p>Là hóa chất xét nghiệm sinh hóa chạy trên phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ TRIGLYCERIDES trong huyết thanh huyết tương;</p> <p>Sự xác định TRIGLYCERIDES thường dùng trong chẩn đoán và giám sát sự rối loạn chức năng mỡ để đánh giá nguy cơ bệnh xơ vữa động mạch. Nồng độ Triglycerides cao hiện diện trong nhiều bệnh như ở thận, gan, tuyến tụy</p> <p>Good's buffer (pH 7,2): = < 50 mmol/l 4-Chlorophenol: = < 4 mmol/l Mg 2+ : = < 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase: ≥ 0,4 KU/l Peroxidase: ≥ 2,0 KU/l Lipoproteinlipase: ≥ 2,0 KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase: ≥ 0,5 KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l.</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = < 0.74 > = 1962 mg/dl</p>	R1: 6x60ml	ISO,CE	ml	1.260

35	Urea	Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính R1: Tris Buffer: =<100 mmol/l α -Ketoglutarate: =< 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): \geq 10 KU/l GLDH (Microorganism): \geq 3.8 KU/l R2: NADH: = < 1.66 mmol/l. Measuring range (nhạm vi đo): =< 11.5- > = 300 mg/dl	R1: 4x40ml , R2: 2x20ml	ISO,CE	ml	1.800
36	control chung mức bình thường (QC 2)	Dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh của con người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm một số vi khuẩn.	R1: 4x5ml,	ISO,CE	ml	80
37	control chung mức bệnh lý (QC 3)	Dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Điều chế từ huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất mô từ người và động vật, được thêm vào một số loại vi khuẩn, dạng đông khô.	R1: 4x5ml	ISO,CE	ml	80
38	Dung dịch rửa máy sinh hoá	Hóa chất rửa WASHING SOLUTION Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không chứa ion và các chất kiềm hóa.	binh/2lit	ISO,CE	binh	15
VI- Hóa chất xét nghiệm tương thích với máy nước tiểu URILYZER ® 100pro						
39	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	100que/hộp	ISO,CE	Que	1.000
C: Nhóm hóa chất thông dụng						
40	Anti A	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	100
41	Anti B	Lọ 10ml, Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	100
42	Anti D	Lọ 10ml, Thuốc thử của xét nghiệm được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy tế bào từ các dòng tế bào lai	Hộp 1 lọ x 10ml;	ISO	ML	100
43	Test nhanh HIV	Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương khi xét nghiệm mẫu phẩm là máu toàn phần. Xét nghiệm được cả với mẫu máu toàn phần lấy từ tĩnh mạch bảo quản trong nhiệt độ từ 2-8 độ C tới 07 ngày. Xét nghiệm được với lượng mẫu phẩm sử dụng xét nghiệm là =< 50uL mẫu. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: \geq 99.75%. Độ chính xác: \geq 99.6% Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody, Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1) HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen. Quy cách : Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi nhóm Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường từ 2-30 độ C.	50 test/hộp	ISO	Test	600

44	Test nhanh HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: >= 99,88%	50 test/hộp	ISO	Test	600
45	Test nhanh HAV	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus viêm gan A. Độ nhạy: >= 95.7%, Độ đặc hiệu: >=98%.	25 test/hộp	ISO,CE	Test	200
46	Test nhanh anti HCV	"Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100 %	50test/hộp	ISO	Test	200
47	Test nhanh Syphilis	Định tính phát hiện kháng vi khuẩn giang mai trong huyết thanh hoặc huyết tương người, Kháng thể đơn dòng kháng Syphilic , kháng nguyên Syphilic tái tổ hợp, kháng thể để kháng igG chuột	50test/hộp	ISO,CE	Test	200
48	Test nhanh Malaria P.f/P.v Ag(Card)	Phát hiện phân biệt kháng nguyên P.f và P.v trong mẫu máu toàn phần (thể tích mẫu máu 5µl). Độ nhạy: >= 99.7% (P.f), >=95.5% (P.v). Độ đặc hiệu: >=99.5%. Bảo quản 2-30°C	25 test/hộp	ISO,CE	Test	25
49	Test Troponin I(Card)	Phát hiện định tính Troponin I tim (cTnI) trong huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. Độ nhạy: >= 96.9%. Độ đặc hiệu: >=97.3%; giới hạn phát hiện 0,5 ng/ml;	25 test/hộp	ISO,CE	Test	400
50	Test NS1	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: >= 92.4%. Độ đặc hiệu: >= 96.4%.	25 test/hộp	ISO, CE	Test	150
51	Test NS1 IgG/IGM	Phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy > = 94,3%, Độ đặc hiệu > = 96,5%	25 test/hộp	ISO, CE	Test	150
52	Test xét nghiệm kháng thể kháng H. pylori	Phát hiện kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân người. Test dạng cassette ,thực hiện trên mẫu phân. Tiêu chuẩn CE.Độ nhạy =< 98.8%, độ đặc hiệu =< 98.4% Cung cấp kèm lọ xử lý mẫu kín.	25 test/hộp	ISO, CE	Test	50
53	Test nhanh tay, chân miệng	Test EV71 là một thiết bị sử dụng nhanh chóng dùng để phát hiện định tính kháng thể IgM đối với Enterovirus 71 (EV71) ở người trong các mẫu huyết thanh; Kháng nguyên EV71 và kháng thể kết hợp vàng keo với EV71 được cố định khô ở cuối dải màng nitrocellulose. Kháng thể IgM ở người liên kết tại vùng thử nghiệm (T) và kháng thể IgG dê - chuột là liên kết tại vùng đối chứng (C).	50 test/hộp	ISO	test	200
54	Test chất gây nghiện (4 chất)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/MDMA500/ MET1000/THC50 trong nước tiểu Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99.9%	15 test/hộp	ISO,CE	Test	800

D-Vật tư y tế tiêu hao

55	bóng đèn máy sinh hóa CA800	Tương thích với máy sinh hoá CA800	01 cái/hộp	ISO	cái	5
56	Cuvet máy sinh hóa CA800	Tương thích với máy sinh hoá CA800	Hộp 9 pcs x 17 Units	ISO	bộ	1
57	Túi máu	Túi máu đơn 250ml	10 túi/bịch	ISO	túi	20

E - hóa chất ngoại kiểm						
58	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/3 x 2 ml	Radox-Anh	hộp	2
59	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/6 x 5 ml	Radox-Anh	hộp	4
60	Chương trình Ngoại kiểm Riqas HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Bảo quản 2-8 oC	Hộp/6 x 0.5 ml	Radox-Anh	hộp	2
61	Chương trình Ngoại kiểm Riqas Ammonia/Ethanol	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/6 x 2 ml	Radox-Anh	hộp	2
Tổng cộng: 61 khoản						

PHỤC LỤC II BÁO GIÁ (1)

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ TIÊN.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất xét nghiệm và vật tư dùng trong xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất xét nghiệm và vật tư y tế dùng trong xét nghiệm :

STT	Tên hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm (2)	Ký, mã, nhãn hiệu, hãng sản xuất (Hãng sản xuất, Nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại, mã số, hãng sản xuất của hàng hoá) (3)	Mã HS (4)	Năm sản xuất (5)	Xuất xứ (6)	ĐVT (7)	Số lượng (8)	Đơn giá (VND) (9)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND) (10)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) (11)	Thành tiền (NVD) (12)
1											
2											
3											
n										
Tổng cộng											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hóa chất xét nghiệm và vật tư y tế dùng trong xét nghiệm)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày.... tháng.... năm.....[ghi ngày....thángnăm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Giá trị của các hóa chất xét nghiệm và vật tư dùng trong xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (13)

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm tương ứng với chủng loại hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm ghi tại cột "Danh mục hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính theo đúng đơn vị tính nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể các chi phí liên quan; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm. Giá trị tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.